

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá lần 2 để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các mặt hàng vật tư không thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT chuyên khoa Hỗ trợ sinh sản, xét nghiệm, thận nhân tạo năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An thuộc dự toán cung ứng các mặt hàng vật tư chuyên khoa Hỗ trợ sinh sản, xét nghiệm, thận nhân tạo năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Lê Thị Kiên – Nhân viên Khoa Dược - Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An. Số điện thoại liên hệ: 0976448884.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Bệnh viện nhận trực tiếp báo giá bản cứng tại địa chỉ: DS Lê Thị Kiên, SĐT: 0976448884. Khoa Dược, Bệnh viện HNĐK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 30 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 08 tháng 11 năm 2023  
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2023.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế
  - Danh mục thiết bị y tế Nhà sản xuất/Nhà cung cấp xem chi tiết tại *phụ lục 1 đính kèm*

Lưu ý: Nhà sản xuất/Nhà cung cấp thực hiện báo giá theo mẫu tại *phụ lục 2 đính kèm*.

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Giao hàng trực tiếp về Kho Khoa Dược, Bệnh viện

HNDK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Trong quá trình vận chuyển, hàng hóa được bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi ký hợp đồng. Thời gian giao hàng không chậm hơn 7 ngày kể từ ngày Khoa được đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không yêu cầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu.

Bên chào giá đồng ý cho Bệnh viện được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các bản báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia chào giá.

Bản báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm, rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.



**Nguyễn Văn Hương**

## PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC MẪU HÀNG VẬT TƯ KHÔNG THUỘC THÔNG TƯ SỐ 04/2017/TT-BYT CHUYÊN KHOA HỖ TRỢ SINH SẢN, XÉT NGHIỆM, THẬN NHÂN TẠO NĂM 2024 TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN



STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
1	XN29	Đĩa nuôi cấy 90 mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 90 ± 2mm Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	2.250
2	XN35	Đĩa nuôi cấy 60mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 60 ± 2mm. Chiều cao: ≥ 14 mm. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm về khả năng vận động của tinh trùng Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	1.200
3	XN39	Dụng cụ bơm tinh trùng	Chất liệu: Polypropylene Chiều dài ≥ 160 mm và ≤ 180 mm. Bên ngoài có vạch chia. Đường kính ngoài ≥ 2.0 mm và ≤ 2.2 mm. Thể tích hoạt động ≥ 0.2ml và ≤ 0.3 ml. Thân có lớp bọc trợ cứng Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm sự sống sót của tinh trùng Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	200

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
4	XN44	Dụng cụ chuyển phôi	Bao gồm: 01 catheter hướng dẫn : chiều dài $\geq 210$ mm và $\leq 220$ mm 01 catheter chuyển phôi : chiều dài $\geq 250$ mm và $\leq 300$ mm, đường kính trong $\geq 0.50$ mm, đường kính ngoài $\leq 3.00$ mm. 01 thanh kim loại hỗ trợ Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA). Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	400
5	XN83	Ống nghiệm đáy tròn 14ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 14ml, đáy tròn Đường kính $\geq 17$ mm, chiều cao $\geq 100$ mm. Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease). Đã tiệt trùng.		Cái/ Ống	1.000
6	XN85	Ống nghiệm đáy tròn 5ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 5ml, đáy tròn Đường kính $\geq 12$ mm, chiều cao $\geq 75$ mm. Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease). Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Ống	2.500

TIN  
BỆNH V  
NGHỆ Đ  
NGHỆ

*nh*

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
7	XN96	Pipette hút mẫu 10ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích: 10ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease), không chứa chất gây sốt Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	2.000
8	XN97	Pipette hút mẫu 10ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 10ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease). Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	2.000
9	XN98	Pipette hút mẫu 1ml	Dung tích: 1ml; Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease), không chứa chất gây sốt Có vạch chia thể tích Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	600
10	XN99	Pipette hút mẫu 1ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích: 1 ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease), không chứa chất gây sốt Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	500
11	XN100	Pipette hút mẫu 5ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 5ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease). Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	1.000



*nh*

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
12	XN101	Pipette hút mẫu 5ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích: 5 ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease), không chứa chất gây sốt Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	5000
13	XN88	Ống nghiệm nhựa có nắp 10ml	Chất liệu: Polystyren. Dung tích 10ml, có nắp.		Cái/ Ống	150000
14	XN27	Đĩa chứa mẫu cho máy giải trình tự	Sử dụng cho máy giải trình tự. Chất liệu: Polypropylene. Đĩa 96 giếng thể tích $\leq 0.3$ ml.		Cái/ Chiếc	100
15	XN71	Nắp đậy đĩa chứa mẫu cho máy giải trình tự	Nắp đậy đĩa 96 giếng sử dụng cho máy giải trình tự.		Cái/ Chiếc	100
16	XN77	Ống ly tâm 1.5ml	Chất liệu: polypropylene. Dung tích: 1.5ml. Nắp ống: khả năng chịu nhiệt độ từ $-80^{\circ}\text{C}$ đến $120^{\circ}\text{C}$ . Không chứa DNase (Deoxyribonuclease), RNase (Ribonuclease), nội độc tố gây sốt.		Cái/ Ống	15.000
17	XN67	Lamen	Chất liệu: thủy tinh. Kích thước: Chiều rộng $\geq 22$ mm; chiều dài $\geq 22$ mm.		Cái/ Chiếc	51.200
<b>Tổng cộng: 17 mặt hàng</b>						

## PHỤ LỤC 2

Công ty .....

Địa chỉ/SĐT:.....

....., Ngày.....tháng.....năm.....

### BÁO GIÁ

Kính gửi: .....

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã HH <sup>(1)</sup>	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Tên thương mại thiết bị y tế <sup>(3)</sup>	Mã hiệu, model <sup>(4)</sup>	Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế <sup>(5)</sup>	Đơn vị tính <sup>(6)</sup>	Quy cách <sup>(7)</sup>	Mã HS <sup>(8)</sup>	Năm sản xuất <sup>(9)</sup>	Hãng – nước sản xuất <sup>(10)</sup>	Số lượng/ khối lượng <sup>(11)</sup>	Đơn giá <sup>(12)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(13)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(14)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(15)</sup> (VND)
1															
2															
n		...													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Các thông số kỹ thuật sản phẩm báo giá tại mục 1 của Bản báo giá đúng với các thông tin trong tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chúng tôi chào giá và phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của bên mời chào giá (tại *Phụ lục 1*).

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong bản báo giá.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(16)</sup>**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Ghi chú:**

(1) Mã HH ghi theo mã hàng hóa mời chào giá

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ Tên thương mại của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi các Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế phù hợp với Thông số kỹ thuật mời chào giá.

(6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, quy cách của thiết bị y tế.



(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(9), (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể lần lượt năm sản xuất, hãng – nước sản xuất của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá [đã bao gồm Chi phí cho các dịch vụ liên quan (13), Thuế, phí, lệ phí (14)] tương ứng với từng thiết bị y tế.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(15) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(16) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có).

Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá. 